

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI**

Số: 10526/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Củ Chi, ngày 26 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp
năm học 2022 - 2023 trên địa bàn huyện Củ Chi**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2, khoản 2 Điều 4, điểm d khoản 1 và đoạn đầu khoản 2 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2022 - 2023;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện tại Tờ trình số 312/TTr-GDĐT ngày 29 tháng 3 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2022 - 2023 trên địa bàn huyện.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở GDĐT Thành phố;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- TT. UBND huyện;
- UB. MTTQ VN và các đoàn thể huyện;
- Đài Truyền thanh huyện;
- Hội Khuyến học huyện;
- Hội Cựu Giáo chức huyện;
- TT GDNN-GDTX; Trường TCCN; TCN;
- Các trường MN. TH. THCS. THPT;
- Lưu: VT, PGDDT.2. M.Hiep.18.



Nguyễn Thị Hằng

Cử Chi, ngày 26 tháng 11 năm 2022

KẾ HOẠCH

Huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2022 - 2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 10526/QĐ-UBND
ngày 26 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Cử Chi)

I. YÊU CẦU, NGUYÊN TẮC TUYỂN SINH

1. Đảm bảo đủ chỗ học cho con em nhân dân trên địa bàn huyện, đặc biệt là con em gia đình chính sách, gia đình nghèo, công nhân; thực hiện tốt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học bắt buộc đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục bậc trung học. Thực hiện tốt công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở; khuyến khích học sinh thi tuyển vào lớp 10 chọn nguyện vọng phù hợp với bản thân, gần nơi cư trú để thuận lợi cho việc tiếp tục đi học khi trúng tuyển và giảm áp lực giao thông theo chủ trương của Thành phố.

2. Đảm bảo 100% học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3 và khuyến khích học sinh lớp 6, lớp 7 và lớp 10 được học 2 buổi/ngày để thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Đồng thời xây dựng kế hoạch những năm tiếp theo cho các lớp còn lại cũng được học 2 buổi/ngày.

Khuyến khích tiếp tục phát triển các trường thực hiện chương trình chất lượng cao “trường tiên tiến, hội nhập quốc tế” tại Thành phố Hồ Chí Minh. Khuyến khích các trường tổ chức dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam. Chú trọng triển khai Quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phê duyệt Đề án “Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn Quốc tế, giai đoạn 2021 – 2030.

3. Thực hiện đúng quy chế ở mỗi cấp học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo nghiêm túc, an toàn, công bằng, chính xác, đánh giá đúng trình độ người học, phản ánh đúng chất lượng dạy và học.

4. Đảm bảo thực hiện đúng các quy định, hướng dẫn an toàn phòng chống dịch bệnh của các cấp khi tổ chức thực hiện công tác tuyển sinh.

5. Tạo điều kiện thuận lợi khi nộp hồ sơ nhập học, 100% đơn vị có phương án tuyển sinh trực tuyến. Nghiêm cấm các trường vận động, quyên góp và thu các khoản ngoài quy định khi tuyển sinh.

II. CHỈ TIÊU TUYỂN SINH

1. Huy động trẻ vào trường mầm non

- Lớp lá:

+ Dân số độ tuổi sinh năm 2017 (5 tuổi): 4986 trẻ

+ Dự kiến tuyển sinh: 4986 trẻ, đạt tỷ lệ 100%.

- Lớp chồi:

+ Dân số độ tuổi sinh năm 2018 (4 tuổi): 5813 trẻ

+ Dự kiến tuyển sinh: 5813 trẻ, đạt tỷ lệ 100%.

- Lớp mầm:

+ Dân số độ tuổi sinh năm 2019 (3 tuổi): 3926 trẻ

+ Dự kiến tuyển sinh: 3926 trẻ, đạt tỷ lệ 100%

- Nhóm trẻ:

+ Tổng số trẻ nhà trẻ: 2398 trẻ

+ Dự kiến tuyển sinh: 1320 trẻ, tỷ lệ: 55,0%

- Trẻ từ 6 đến 18 tháng tuổi:

+ Tổng số trẻ từ 6 đến 18 tháng tuổi: 1662 trẻ

+ Dự kiến tuyển sinh: 27 trẻ; tỷ lệ 1,6%

2. Tuyển sinh vào lớp 1

- Dân số độ tuổi sinh năm 2015 (6 tuổi): 6154 trẻ.

- Dự kiến tuyển sinh: 6154 trẻ, đạt tỷ lệ 100%, trong đó có hộ khẩu trường trú: 4757 trẻ, tạm trú: 1397 trẻ.

- Lớp học 2 buổi/ngày: 198/198, tỷ lệ 100%.

3. Tuyển sinh vào lớp 6

- Dự kiến số học sinh hoàn thành chương trình tiểu học: 7395 học sinh.

- Dự kiến tuyển sinh: 7395 học sinh, tỷ lệ 100%.

- Lớp học 2 buổi/ngày: 152/168, tỷ lệ 90,5%.

4. Tuyển sinh vào lớp 10 và các hệ tương đương

- Dự kiến số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở: 5381/5665 học sinh.

- Dự kiến tuyển vào lớp 10 và các hệ tương đương đạt tỷ lệ 95%.

III. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

1. Huy động trẻ ra lớp mầm non 5 tuổi và các lớp khác

- Huy động 100% trẻ 5 tuổi trong diện đi học đang cư trú trên địa bàn huyện Củ Chi vào trường mầm non theo tuyến do Ban Chỉ đạo tuyển sinh huyện quy định (kèm phụ lục 1: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể từng nhóm trẻ, lớp chồi, mầm, lá và các nhóm dành cho trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi).

- Căn cứ tình hình thực tế về cơ sở vật chất, trang thiết bị, giáo viên, Hiệu trưởng có kế hoạch đảm bảo chỗ học cho các cháu độ tuổi nhà trẻ, mẫu giáo và diện tích phòng sinh hoạt chung đảm bảo 1,5m² - 1,8m² cho một trẻ.

- Đối với nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thực: Nhận trẻ đúng theo quyết định của Ủy ban nhân dân xã, thị trấn về việc thành lập nhóm trẻ hoặc lớp mẫu giáo.

- Đối với trẻ 5 tuổi: Không dạy lớp ghép, đảm bảo có đủ giáo viên, đủ trang thiết bị theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành danh mục đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non; Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 9 năm 2013 về sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại danh mục đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT; Thông tư số 32/2012/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về đáp ứng thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo từng độ tuổi (Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-GDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Chương trình giáo dục Mầm non kèm theo Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Thực hiện sĩ số trẻ trên một lớp đúng Điều lệ trường Mầm non theo từng độ tuổi: Nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi: 15 trẻ; từ 13 đến 24 tháng tuổi: 20 trẻ; từ 25 đến 36 tháng tuổi: 25 trẻ. Lớp mẫu giáo: 3 - 4 tuổi: 25 trẻ; 4 - 5 tuổi: 30 trẻ; 5 - 6 tuổi: 35 trẻ.

Lưu ý: Theo khoản 3, Điều 15 của Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 về ban hành Điều lệ Trường mầm non quy định: *"Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo không quá 2 trẻ em khuyết tật học hòa nhập."*

- Tỷ lệ trẻ học bán trú: 97%.

- Thời gian tuyển sinh:

+ Thời gian phát và nhận hồ sơ: Từ ngày 01/7/2022.

+ Thời gian công bố kết quả tuyển sinh: Ngày 20/7/2022

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn xin xét tuyển

+ Bản sao giấy khai sinh hợp lệ

+ Bản photo hộ khẩu (khi nộp kèm theo bản chính để đối chiếu)

- Trường Mầm non Thị Trấn Củ Chi 2 tiếp tục thực hiện xây dựng trường tiên tiến hiện đại đối với trẻ các lớp mầm (3-4 tuổi), lớp chồi (4-5 tuổi) và lớp lá (5-6 tuổi)) theo Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân Thành phố Hồ Chí Minh về Ban hành Quy định về tiêu chí

công nhận trường thực hiện chương trình chất lượng cao Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Căn cứ nhu cầu của cha mẹ học sinh và điều kiện của đơn vị, các cơ sở giáo dục mầm non có thể cho trẻ làm quen với trường lớp trong thời gian nghỉ hè.

2. Tuyển sinh vào lớp 1

a. Tuyển sinh vào lớp 1

- Huy động 100% trẻ 6 tuổi trong diện đi học đang cư trú trên địa bàn huyện vào học lớp 1 theo tuyển do Ban Chỉ đạo tuyển sinh huyện quy định (kèm phụ lục 2: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể từng xã, thị trấn, trường tiểu học).

- Không nhận học sinh sớm tuổi và không nhận học sinh trái tuyển ngoài địa bàn quy định.

- Phân đầu thực hiện sĩ số lớp theo Điều lệ trường tiểu học (35 em/lớp).

- Đảm bảo 100% học sinh lớp 1 được học 2 buổi/ngày để thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Thực hiện Quyết định số 2769/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai Đề án dạy học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2019 – 2025. Tổ chức làm quen tiếng Anh cho học sinh lớp 1 theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 và lộ trình riêng của Thành phố.

- Phân đầu tỷ lệ học sinh bán trú: phân đầu đạt từ 40% trở lên

- Thời gian tuyển sinh:

+ Thời gian phát và nhận hồ sơ: Từ ngày 01/7/2022

+ Thời gian công bố kết quả tuyển sinh: Ngày 01/8/2022.

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn xin dự tuyển (theo mẫu do trường tiểu học trong địa bàn phát hành)

+ Bản sao giấy khai sinh hợp lệ

+ Bản photo hộ khẩu (khi nộp đem theo bản chính để đối chiếu)

b. Tuyển sinh vào lớp 1 tăng cường tiếng Anh

- Điều kiện: Cha mẹ học sinh có nhu cầu và tự nguyện cho con em được học lớp 1 tiếng Anh tăng cường (kèm phụ lục 3a: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể lớp 1 tăng cường tiếng Anh trường tiểu học).

- Thời gian tuyển sinh:

+ Thời gian phát và nhận hồ sơ: Từ ngày 01/7/2022

+ Thời gian công bố kết quả tuyển sinh: Ngày 01/8/2022

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đăng ký học lớp 1 tiếng Anh tăng cường (theo mẫu do trường tiểu học trong địa bàn phát hành)

+ Bản sao giấy khai sinh hợp lệ

- + Bản photo hộ khẩu (khi nộp đem theo bản chính để đối chiếu)
- Tổ chức tăng cường tiếng Anh cho học sinh lớp 1 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và lộ trình riêng của Thành phố.
- Hằng năm, Hội đồng trường có trách nhiệm xem xét, đưa ra khỏi danh sách lớp tăng cường tiếng Anh các học sinh không theo kịp chương trình và tổ chức khảo sát tuyển bổ sung nhưng phải đảm bảo sĩ số không vượt quá quy định.

c. Tuyển sinh vào lớp 1 chương trình “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam”

- Tiếp tục thực hiện tại Trường Tiểu học Thị trấn Củ Chi trên cơ sở trường lớp đạt theo quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, thực hành thí nghiệm cho các lớp chương trình: “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam” và kết quả khảo sát năng lực sử dụng tiếng Anh của học sinh, năng lực tài chính của phụ huynh (kèm phụ lục 3b: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể lớp 1 chương trình tích hợp: “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp chương trình tiếng Anh và Việt Nam trường tiểu học).

- Điều kiện: Cha mẹ học sinh trên địa bàn huyện có nhu cầu và tự nguyện cho con em được học chương trình: “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam”.

- Sĩ số học sinh/lớp không vượt quá 35 học sinh/lớp.

- Thời gian tuyển sinh:

+ Thời gian phát và nhận hồ sơ: Từ ngày 01/7/2022

+ Thời gian công bố kết quả tuyển sinh: Ngày 01/8/2022

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn xin dự tuyển lớp 1 chương trình tích hợp (theo mẫu do Trường Tiểu học Thị trấn Củ Chi phát hành)

+ Bản sao giấy khai sinh hợp lệ

+ Bản photo hộ khẩu (khi nộp đem theo bản chính để đối chiếu)

- Tổ chức dạy Chương trình tích hợp cho học sinh lớp 1 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và lộ trình riêng của Thành phố.

- Lưu ý: Học sinh nộp hồ sơ xét tuyển theo chương trình tích hợp tại Trường Tiểu học Thị trấn Củ Chi vẫn phải nộp hồ sơ xét tuyển vào lớp 1 theo phân tuyển.

3. Tuyển sinh vào lớp 6

a. Tuyển sinh vào lớp 6

- Học sinh trong độ tuổi quy định đã hoàn thành chương trình tiểu học tại các trường tiểu học trên địa bàn huyện Củ Chi được xét tuyển vào học lớp 6 theo tuyển do Ban Chỉ đạo tuyển sinh huyện quy định (kèm phụ lục 4: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể từng xã, thị trấn, trường trung học cơ sở).

- Sĩ số học sinh/lớp không vượt quá 45 học sinh/lớp.
- Phần đầu tỷ lệ học sinh bán trú: phần đầu đạt từ 20% trở lên
- Thời gian tuyển sinh:
 - + Thời gian phát và nhận hồ sơ: Từ ngày 01/7/2022
 - + Thời gian công bố kết quả tuyển sinh: ngày 01/8/2022
- Thành phần hồ sơ:
 - + Đơn xin dự tuyển (theo mẫu do trường trung học cơ sở trong địa bàn phát hành)
 - + Học bạ (bản chính) cấp tiểu học
 - + Bản sao giấy khai sinh hợp lệ
 - + Bản photo hộ khẩu (khi nộp đem theo bản chính để đối chiếu)

b. Tuyển sinh vào lớp 6 tăng cường tiếng Anh

- Điều kiện: Học sinh đã hoàn thành chương trình tiểu học trên địa bàn huyện (chỉ xét tuyển theo tuyển) (kèm phụ lục 5a: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể lớp 6 tăng cường tiếng Anh trường trung học cơ sở) và đảm bảo điều kiện theo phụ lục 5b (đính kèm).

- Thời gian tuyển sinh:
 - + Thời gian phát và nhận hồ sơ: Từ ngày 01/7/2022
 - + Thời gian công bố kết quả tuyển sinh: ngày 01/8/2022
- Thành phần hồ sơ:
 - + Đơn xin dự tuyển lớp 6 tăng cường tiếng Anh (theo mẫu do trường trung học cơ sở trong địa bàn phát hành)
 - + Học bạ (bản chính) cấp tiểu học
 - + Bản sao giấy khai sinh hợp lệ
 - + Bản photo hộ khẩu (khi nộp đem theo bản chính để đối chiếu)
 - + Chứng chỉ tiếng Anh theo yêu cầu tại phụ lục 5b (đính kèm).

c. Tuyển sinh vào lớp 6 chương trình “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp chương trình Anh và Việt Nam”

- Tiếp tục thực hiện tại Trường Trung học cơ sở Thị trấn 2 trên cơ sở trường lớp đạt theo quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, thực hành thí nghiệm cho các lớp tiếng Anh tích hợp và kết quả khảo sát năng lực sử dụng tiếng Anh của học sinh, năng lực tài chính của phụ huynh (kèm phụ lục 5c: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể lớp 6 chương trình tích hợp: “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp chương trình tiếng Anh và Việt Nam trường trung học cơ sở”).

- Sĩ số học sinh/lớp không vượt quá 35 học sinh/lớp.
- Đối tượng tuyển:
 - + Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học theo Chương trình tiếng Anh tích hợp.

+ Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học của Bộ Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn huyện, có đủ năng lực tiếng Anh đáp ứng một trong các điều kiện nêu trong Mục 1, phụ lục 5d (đính kèm) về điều kiện tiếp nhận học sinh vào lớp 6 chương trình tiếng Anh tích hợp.

- Thời gian tuyển sinh:

+ Thời gian phát và nhận hồ sơ: Từ ngày 01/7/2022

+ Thời gian công bố kết quả tuyển sinh: ngày 01/8/2022

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn xin nhập học lớp 6 chương trình tích hợp (theo mẫu do Trường Trung học cơ sở Thị trấn 2 phát hành)

+ Học bạ cấp tiểu học và Học bạ tiếng Anh tăng cường (bản sao có công chứng)

+ Bản sao giấy khai sinh hợp lệ

+ Bản photo hộ khẩu (khi nộp đem theo bản chính để đối chiếu)

+ Mục 1, phụ lục 5d (đính kèm).

- Lưu ý: Học sinh nộp hồ sơ xét tuyển theo chương trình tích hợp tại Trường Trung học cơ sở Thị trấn 2 vẫn phải nộp hồ sơ xét tuyển vào lớp 6 bình thường theo phân tuyến.

4. Tuyển sinh lớp 10

Thực hiện theo Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2022 – 2023.

5. Tuyển sinh vào trường trung cấp, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện

- Điều kiện: Học sinh đã tốt nghiệp trung học cơ sở có thể đăng ký xét tuyển vào học tại các trường cao đẳng, trung cấp, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên trên địa bàn huyện (kèm phụ lục 6: Bảng số liệu chỉ tiêu các trường trung cấp, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên).

- Căn cứ xét tuyển:

+ Điểm tốt nghiệp trung học cơ sở

+ Điểm tổng kết các môn học 4 năm trung học cơ sở;

+ Điểm tổng kết các môn học năm cuối cấp trung học cơ sở.

- Nộp hồ sơ xét tuyển trực tiếp tại trường, trung tâm theo các đợt tuyển sinh trong năm do trường, trung tâm quy định.

6. Việc xét tuyển trẻ mầm non, học sinh lớp 1, lớp 6 học ngoài tuyến tại các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn huyện

Sau khi các trường tuyển sinh hết số trẻ, số học sinh theo chỉ tiêu đã được Ban Chỉ đạo tuyển sinh huyện quy định, nếu các trường còn khả năng nhận, Ban

Chỉ đạo tuyển sinh sẽ xem xét và xét tuyển bổ sung đối với những học sinh ngoài địa bàn theo nguyện vọng chính đáng của cha mẹ học sinh.

a. Điều kiện xét tuyển học sinh ngoài tuyển

- Chỉ giải quyết ngoài tuyển đối với những trường còn khả năng nhận và đảm bảo số học sinh trong một lớp không vượt Điều lệ trường mầm non, Điều lệ trường tiểu học và Điều lệ trường trung học cơ sở.

- Học sinh khuyết tật học hòa nhập, học sinh là người dân tộc, con gia đình chính sách, có cha hoặc mẹ đang làm việc tại các đơn vị gần trường học nơi cha mẹ đang công tác.

- Học sinh là con của bộ đội, chiến sĩ công an đang làm nhiệm vụ đặc biệt dài hạn; con của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có khó khăn trong việc đưa đón trẻ được ưu tiên xét tuyển vào học tại các trường học gần nơi cha mẹ đang công tác.

Lưu ý: Điều kiện ưu tiên chỉ áp dụng trong trường hợp trường học sinh xin học ngoài tuyển gần nhà hoặc gần cơ quan của cha mẹ để thuận tiện cho việc đưa đón. Học sinh nộp hồ sơ trái tuyển vẫn phải nộp hồ sơ xét tuyển theo tuyển bình thường.

b. Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị xét tuyển ngoài tuyển của cha mẹ học sinh có xác nhận của cơ quan nơi cha hoặc mẹ đang công tác để làm cơ sở xét tuyển. Các trường hợp còn lại phải có xác nhận của địa phương nơi trẻ đang cư trú.

- Bản sao giấy khai sinh hợp lệ
- Bản photo hộ khẩu (khi nộp kèm theo bản chính để đối chiếu)
- Giấy xác nhận của cơ quan, đơn vị (nếu có)
- Giấy chứng minh công an nhân dân hoặc chứng minh quân nhân của cha, mẹ (nếu có).

c. Trình tự, thời gian xét tuyển

- Bước 1: Từ ngày 15/8 đến 19/8/2022, tổ chức tiếp nhận, kiểm tra đối chiếu hồ sơ và lập danh sách tổng hợp trình Hội đồng tuyển sinh.

- Bước 2: Hội đồng tuyển sinh tổ chức họp xét duyệt từng trường hợp xin học ngoài tuyển.

- Bước 3: Hội đồng tuyển sinh trình Ban Chỉ đạo tuyển sinh phê duyệt danh sách đề nghị xét tuyển ngoài tuyển.

- Bước 4: Ban Chỉ đạo tuyển sinh phê duyệt danh sách học sinh ngoài tuyển.

- Bước 5: Các trường nhận danh sách học sinh ngoài tuyển đã được phê duyệt từ Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện và niêm yết công khai tại bảng thông tin của đơn vị.

- Bước 6: Hiệu trưởng công khai danh sách tuyển sinh đã được phê duyệt cho cha mẹ học sinh và học sinh biết và sắp xếp chỗ học cho học sinh.

d. Địa điểm tiếp nhận hồ sơ

- Đối với trường hợp xin học ngoài tuyển ở Trường Tiểu học Thị trấn Củ Chi, Trường Trung học cơ sở thị trấn 2: Từ Ngày 15/8 đến hết ngày 19/8/2022, cha mẹ học sinh nộp hồ sơ tại Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, địa chỉ số 77 Tỉnh lộ 8, Khu phố 7, Thị Trấn Củ Chi.

- Đối với các trường hợp khác: Từ ngày 15/8 đến hết ngày 19/8/2022, cha mẹ học sinh nộp hồ sơ tại trường xin học ngoài tuyển. Hiệu trưởng tổ chức tiếp nhận, kiểm tra đối chiếu hồ sơ; tổng hợp, lập danh sách và gửi về Ban Chỉ đạo tuyển sinh (thông qua Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện) để tổ chức xét duyệt. Thời gian gửi hồ sơ, danh sách chậm nhất ngày 25/8/2022. Lưu ý, sau khi tiếp nhận hết số học sinh theo chỉ tiêu và nếu trường còn khả năng nhận theo kế hoạch tuyển sinh thì Hiệu trưởng mới tổ chức tiếp nhận.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện

- Triển khai kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2022 - 2023 đến các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên và trường trung cấp để có kế hoạch thực hiện.

- Tham mưu thành lập Ban Chỉ đạo công tác huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2022 - 2023 để chỉ đạo và kiểm tra toàn bộ công tác tuyển sinh của huyện và ở các trường; tham mưu thành lập Hội đồng tuyển sinh ngoài tuyển và Tổ tiếp nhận, kiểm tra, xét duyệt hồ sơ tuyển sinh các lớp đầu cấp.

2. Đài truyền thanh huyện

Phối hợp Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, các phòng, ban, đoàn thể huyện, các xã, thị trấn đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2022 - 2023; vận động người dân thực hiện tốt “Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường” vào đầu năm học mới.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện và các hội, đoàn thể huyện

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện và các hội, đoàn thể huyện phối hợp Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện và các đơn vị liên quan thực hiện các nội dung của kế hoạch này; đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên, người dân đưa trẻ đến trường.

4. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

- Xây dựng kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2022 - 2023 trên địa bàn.

- Thành lập Ban chỉ đạo công tác huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp trên địa bàn.

- Triển khai đến các đơn vị trường học, Ban nhân dân các ấp, Ban điều hành khu phố, các ban ngành đoàn thể tổ chức thực hiện công tác huy động trẻ

ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp theo đúng tiến độ. Tích cực vận động người dân thực hiện tốt “Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường”.

- Rà soát, lập danh sách và vận động các đơn vị hỗ trợ sách, vở, quần áo,... cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn trước ngày khai giảng năm học mới.

5. Hiệu trưởng trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở

- Xây dựng kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2022 - 2023.

- Thành lập Hội đồng tuyển sinh đầu cấp.

- Phổ biến những thông tin cần thiết để cha mẹ học sinh và học sinh biết, tìm hiểu về trường mới trước khi đăng ký nguyện vọng tuyển sinh.

- Công khai mẫu đơn và tổ chức cho cha mẹ học sinh đăng ký nhập học bằng hình thức trực tuyến qua Cổng Thông tin điện tử của đơn vị theo Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

- Tuyệt đối không giải quyết cho học sinh chuyển trường.

V. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

- Từ ngày 15 tháng 6 năm 2022, các trường phối hợp với Ban Nhân dân ấp, Ban Điều hành khu phố gửi thư mời đến phụ huynh có trẻ trong độ tuổi đến trường để vận động các em ra lớp.

- Ban Chỉ đạo huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2022 - 2023 ở các xã, thị trấn báo cáo tiến độ thực hiện về Ban Chỉ đạo huyện (thông qua Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện) theo mốc thời gian như sau:

+ Lần 1: Ngày 14 tháng 7 năm 2022.

+ Lần 2: Ngày 21 tháng 7 năm 2022.

+ Lần 3: Ngày 28 tháng 7 năm 2022. /

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

PHỤ LỤC 5b

(Ban hành kèm theo Kế hoạch sốngày/.../2022
của UBND huyện Củ Chi)

1. Đối với học sinh học hết lớp 5 không học chương trình tiếng Anh tăng cường tiểu học, cần có 1 trong các chứng chỉ quốc tế sau:

- FLYER: từ 10 khiên trở lên
- TOEFL Primary: tối thiểu đạt 3 huy hiệu của bài thi TOEFL Primary Step 2.
- Pearson PTE Breakthrough đạt từ 45 điểm trở lên.
- Các chứng chỉ quốc tế khác trình độ từ A2 trở lên.
- Đạt điểm 6.0 trở lên trong kỳ kiểm tra, đánh giá năng lực đầu vào dành cho học sinh lớp 6 tiếng Anh tăng cường của các trường trung học cơ sở (trong trường hợp số học sinh đăng ký đầu vào vượt so với khả năng tiếp nhận của trường trung học cơ sở).

2. Đối với học sinh học hết lớp 5 chương trình tiếng Anh tăng cường tiểu học:

- Có điểm trung bình môn tiếng Anh tăng cường cả năm (4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết) trên 6.0.
- FLYER: từ 10 khiên trở lên
- TOEFL Primary: tối thiểu đạt 3 huy hiệu của bài thi TOEFL Primary Step 2.
- Pearson PTE Breakthrough đạt từ 45 điểm trở lên.
- Các chứng chỉ quốc tế khác trình độ từ A2 trở lên.
- Đạt điểm 6.0 trở lên trong kỳ kiểm tra, đánh giá năng lực đầu vào dành cho học sinh lớp 6 tiếng Anh tăng cường của các trường trung học cơ sở.
- **Chú ý:** các chứng chỉ trên và kỳ thi đầu vào không bắt buộc, chỉ dùng trong trường hợp số học sinh đăng ký đầu vào vượt so với khả năng tiếp nhận của trường trung học cơ sở.

3. Đối với học sinh học hết lớp 5 chương trình tiếng Anh tích hợp

- Điểm trung bình năm môn tiếng Anh tích hợp từ 6.0. trở lên.
- Có chứng chỉ Pearson PTE Breakthrough đạt từ 45 điểm trở lên..
- Đạt điểm 6.0 trở lên trong kỳ kiểm tra, đánh giá năng lực đầu vào dành cho học sinh lớp 6 tiếng Anh tăng cường của các trường trung học cơ sở.
- **Chú ý:** các chứng chỉ trên, và kỳ thi đầu vào không bắt buộc, chỉ dùng trong trường hợp số học sinh đăng ký đầu vào vượt so với khả năng tiếp nhận của trường trung học cơ sở.

PHỤ LỤC 5d

(Ban hành kèm theo Kế hoạch sốngày/.../2022
của UBND huyện Cử Chi)

1. Điều kiện tiếp nhận học sinh vào lớp 6 chương trình tiếng Anh tích hợp

- Theo hệ thống Pearson English: học sinh phải có chứng chỉ PTE Young Learners cấp độ Quickmarch (Pass – số sao tối thiểu 3/5 sao).
- Theo hệ thống Cambridge English: học sinh phải có chứng chỉ Flyers (số khiên tối thiểu 12/15 khiên).
- Theo hệ thống ETS: học sinh phải có chứng chỉ TOEFL Primary bậc 2 với số huy hiệu tối thiểu là 3/5 huy hiệu (TOEFL Primary, Step 2, 3 badges).
- Học sinh phải được đánh giá bài khảo sát năng lực tiếng Anh đầu vào của chương trình (Placement test).

2. Điều kiện tiếp nhận học sinh vào lớp 10 tăng cường tiếng Anh

- Tốt nghiệp trung học cơ sở loại Khá, Giỏi.
- Điểm số từng kỹ năng của toàn năm lớp 9 tăng cường tiếng Anh đạt từ 6.0 điểm trở lên hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ sau:
 - + Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 3.
 - + Chứng chỉ quốc tế đạt trình độ B1 theo khung CEFR.
 - + Chứng chỉ Cambridge PET đạt từ 140/170 (hoặc 140/210) hoặc PCE đạt từ 140/190 (hoặc 140/210 điểm).
 - + Chứng chỉ TOEFL Junior đạt từ 785/900 điểm trở lên.
 - + Chứng chỉ PTE General Level 2 mức Đạt (Pass) trở lên.
 - + Hoặc là học sinh chương trình tiếng Anh tích hợp cấp trung học cơ sở có điểm trung bình môn tiếng Anh tích hợp lớp 9 từ 6.0 trở lên hoặc các chứng chỉ tiếng Anh tương đương.

PHỤ LỤC 1: BẢNG SỐ LIỆU CHỈ TIÊU CỤ THỂ TỪNG NHÓM TRẺ, LỚP MẦM, CHƠI VÀ LÁ CÔNG LẬP VÀ NGOÀI CÔNG LẬP

NĂM HỌC 2022 - 2023

(Kèm theo Quyết định số: 1052/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2022 của UBND huyện Củ Chi)

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2017)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Tổng số lớp tuyển sinh 2022-2023	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm nhà trẻ sinh năm 2020		Lớp Mầm sinh năm 2019		Lớp Chồi sinh năm 2018		Lớp Lá sinh năm 2017		Khả năng nhận số trẻ sinh năm 2017	Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
								Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ		
TỔNG CỘNG:		4986			820	1143	697	2	27	62	1320	194	3926	233	5813	206	4986	6392	100%
I. Công lập		4390			488	681	407	2	27	35	775	78	1930	117	3348	175	4390	5458	
1	Tân Phú Trung	305	MN Tân Phú Trung 1	Áp Đình, Áp Giữa, Bến Đò 1, Bến Đò 2, Xóm Đồng, xã Tân Phú Trung.	20	34	20			2	20	3	70	6	186	9	183	270	100
2			MN Tân Phú Trung 2	Áp Chợ, Lăng Cát, Giồng Sao, Phú Lợi, Trạm Bom, ấp Cây Đa, xã T.P. Trung.	11	16	10					2	50	4	90		4	122	140
3	Tân Thông Hội	498	MN Tân Thông Hội 1	Áp Bàu Sim, hẻm 218 tổ 4, tổ 5a, 6, 8, 9 của ấp Hậu, tổ 1,2,3,4,9 ấp Trung - xã Tân Thông Hội và tổ 1,2 của ấp 2 - xã P.V. An.	12	21	12			2	50	3	60	3	70	4	100	120	100
4			MN Tân Thông Hội 2	Áp Thượng, tổ 6 đến tổ 16 ấp Tân Định, tổ 1, 2, 2a, 3, 5, 7, 1/2 đường số 28 tổ 4 ấp Hậu, QL 22, tổ 1, 2a, 2b, 3a, 3b ấp Tân Tiến và tổ 3, 4a, 4b, 5, 8, 9a, 9b, 10, 11 của ấp 3 (xã	17	33	17	1	12	2	50	4	100	5	150		5	137	175
5			MN Tân Thông Hội 3	Áp Chánh, ấp Tiền và tổ 5,6,7,8,10 của ấp Trung - xã Tân Thông Hội.	11	15	10					2	50	3	90	5	127	160	100

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2017)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Tổng số lớp tuyển sinh 2022-2023	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm nhà trẻ sinh năm 2020		Lớp Mầm sinh năm 2019		Lớp Chồi sinh năm 2018		Lớp Lá sinh năm 2017		Khả năng nhận số trẻ sinh năm 2017	Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
								Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ		
								Nhóm											
6			MN Tân Thông Hội 4	Ấp Tân Lập, Tân Tiến, Tân Thành và tổ 1, 2, 3, 4, 5 của ấp Tân Định - xã T.T.Hội	10	15	10					2	50	3	90	5	134	160	100
7	Thị trấn Củ Chi	239	MN Thị Trấn Củ Chi 1	Khu phố 3, KP 8, tổ 3, 7 KP 1, tổ 4 KP 4, tổ 1, 2 KP 5, tổ 3 KP 6 - TT Củ Chi, tổ 1, 2, 3 ấp Tây xã Tân An Hội và tổ 6, 7, 10 ấp Tân Thành - xã T.T.Hội.	10	15	10					2	50	4	80	4	39	90	100
8			MN Thị Trấn Củ Chi 2	Khu phố 2, Khu phố 4, khu phố 6 và tổ 1, 2, 3 của khu phố 7 - Thị trấn Củ Chi	21	43	20	1	15	7	165	4	100	4	120	4	90	140	100
9			MN Thị Trấn Củ Chi 3	Khu phố 1, Khu phố 5, khu phố 7 và tổ 7, 8 của khu phố 8 - Thị trấn Củ Chi	19	28	18			3	75	5	125	5	150	5	99	175	100
10			MN Tây Bắc	Tổ 4 KP 1, tổ 6 KP 8 - TT Củ Chi và các trẻ có ba hoặc mẹ làm việc ở khu công nghiệp Tây Bắc.	12	17	9			1	25	2	40	3	75	3	11	90	100
11	Phước Hiệp	150	MN Phước Hiệp	Ấp Mũi Cồn Đại, Mũi Cồn Tiều, Trại Đèn, Cây Trôm, Ba Sa, Phước Hòa, Trung Việt, xã Phước Hiệp	16	19	10			1	25	2	50	3	90	4	150	150	100
12	Thái Mỹ	210	MN Thái Mỹ	Ấp Bình Hạ Đông, Bình Hạ Tây, Mỹ Khánh A, Mỹ Khánh B, Bình Thượng 1, Bình Thượng 2, ấp Thấp, xã Thái Mỹ.	13	21	13			1	25	2	50	4	120	6	210	210	100

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2017)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Tổng số lớp tuyển sinh 2022-2023	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm nhà trẻ sinh năm 2020		Lớp Mầm sinh năm 2019		Lớp Chồi sinh năm 2018		Lớp Lá sinh năm 2017		Khả năng nhận số trẻ sinh năm 2017	Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
								Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ		
13	Trung Lập Hạ	129	MN Trung Lập Hạ	Áp Trung Hòa, Lão Tào Trung, Gia Bệ, Xóm Mới, Trảng Lắm, ấp Đồn, xã Trung Lập Hạ.	16	21	12			1	20	2	70	4	110	5	129	129	100
14	Nhuận Đức	150	MN Nhuận Đức	Áp Bầu Chứa, Bầu Cạp, Bầu Tròn, Bầu Trăn, Xóm Bung, Canh Lý, Ngã Tư, Đức Hiệp, Bến Đình, xã Nhuận Đức.	18	17	12			2	30	2	50	3	90	5	150	175	100
15	An Nhơn Tây	230	MN An Nhơn Tây	Áp Ba Sòng, Bầu Dung, Gò Nổi, Gò Nổi A, Xóm Mới, Lô 6, Xóm Trại, Gót Chàng, Bến Mương, Chợ Cũ, Chợ Cũ 2, xã A.N Tây.	22	25	15					3	75	4	120	8	230	250	100
16	Phú Mỹ Hưng	109	MN Hoàng Minh Đạo	Áp Phú Lợi, Phú Thuận, Phú Hiệp, Phú Hòa, xã Phú Mỹ Hưng.	12	16	10			1	25	2	40	3	97	4	109	120	100
17	Phạm Văn Cội	91	MN Phạm Văn Cội I	Áp 3, Áp 4, Áp 5 - xã Phạm Văn Cội, tổ 5,7 của ấp Đức Hiệp, tổ 6 đến tổ 11 ấp Bến Đình, và tổ 2,3 của ấp Bầu Cạp - xã Nhuận Đức.	11	20	11			1	25	3	75	3	90	4	54	140	100
18	Phạm Văn Cội		MN Phạm Văn Cội 2	Áp 1, ấp 2 - xã P.V. Cội, tổ 107,108,109, 110 của ấp Cây Trắc và tổ 6, 6a, 7, 8, 8a, 9, 10, 10a của ấp Phú Hiệp, tổ 69 ấp Cây Trăm, tổ 94a, 94b ấp Phú An, xã P.H.Đông; tổ 2, 3, 4 ấp Đức Hiệp, xã N.Đức.	12	14	10			1	25	2	50	3	75	4	37	110	100

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2017)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Tổng số lớp tuyển sinh 2022-2023	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm nhà trẻ sinh năm 2020		Lớp Mầm sinh năm 2019		Lớp Chồi sinh năm 2018		Lớp Lá sinh năm 2017		Khả năng nhận số trẻ sinh năm 2017	Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
								Nhóm		Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ		
								Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi	Số trẻ										
19	Phù Hòa Đông	208	MN Phù Hòa Đông	Phù An, Phù Mỹ, Phù Thuận, Phù Lợi, tổ 1, 1a, 2, 3, 3a, 4, 4a, 5 Phù Hiệp, Cây Trâm, Bền Cò, tổ 105, 106 Cây Trắc, ấp Chợ, Phù Trung, Phù Hòa, Phù Bình - xã P.H.Đông.	19	39	19			1	25	4	100	6	180	8	208	280	100
20	Phước Vĩnh An	160	MN Phước Vĩnh An	Ấp 1, tổ 3, 4 ấp 2, tổ 1, 2, 6a, 6, 7, 12, 16, 17 ấp 3, ấp 4, ấp 5, ấp 6 - xã P.V.An và tổ 1, 2, 4 của ấp Cây Da - xã T.P.Trung.	15	19	10					2	50	3	90	5	160	160	100
21	Tân Thành Đông	285	MN Tân Thành Đông	Ấp 1, 2, 2A, 3A, 3B, 4, 4A, 8, 9, 9A, 10, 11, 11A xã T.T.Đông.	16	32	16					1	25	5	150	10	213	350	100
22			MN Nguyễn Thị Đậu	Ấp 5, 6, 6A, 7, 7A, 12, xã Tân Thành Đông.	16	15	10					1	25	3	90	6	72	120	100
23	Tân Thành Tây	137	MN Tân Thành Tây	Ấp 1, 1A, 2, 2A, 3, 3A, xã Tân Thành Tây	30	23	15			1	25	3	75	4	110	7	137	150	100
24	Trung An	229	MN Trung An 1	Ấp Chợ, An Hòa, An Bình, Bồn Phú, xã Tr. An	15	8	10			1	25	2	50	2	60	5	97	150	100
25			MN Trung An 2	Thanh An, Hội Thanh - xã Trung An và tổ 6 7 8 9 10 của ấp 12 - xã T.T.Đông	12	25	12			1	20	2	50	4	120	5	132	175	100
26	Hòa Phú	190	MN Hòa Phú	Ấp 1, 1A, Ấp 2, 2A, Ấp 3, Ấp 4, Ấp 5, xã Hòa Phú.	14	23	12			1	25	3	90	3	90	5	190	190	100
27	Bình Mỹ	180	MN Bình Mỹ	Ấp 1, Ấp 2, Ấp 3, Ấp 4A, 4B-Bình Hòa, 4B - Mỹ Suong, Ấp 5, Ấp 6A, 6B, Ấp 7, Ấp 8, xã Bình Mỹ.	16	20	16			2	30	2	50	4	90	8	180	180	100

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2017)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Tổng số lớp tuyển sinh 2022-2023	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm nhà trẻ sinh năm 2020		Lớp Mầm sinh năm 2019		Lớp Chồi sinh năm 2018		Lớp Lá sinh năm 2017		Khả năng nhận số trẻ sinh năm 2017	Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
								Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ		
28	Phước Thạnh	245	MN Phước Thạnh	Áp Chợ, Phước Hưng, Phước Lộc, Phước An, Bàu Điều, Mây Đẳng, Mít Nài, Bàu Điều áp Thượng, Vườn Trầu, Bàu Trầu, xã Phước Thạnh.	25	15	15			1	25	2	50	5	150	7	245	245	100
29	Trung Lập Thượng	180	MN Trung Lập Thượng	Áp Sa Nhò, Đồng Lớn, Trung Hiệp Thượng, Áp Ràng, Lão Táo Thượng, Trung Hưng, Trung Bình, Văn Hán, xã T.L. Thượng.	10	20	10			1	15	1	25	2	60	6	180	180	100
30	Tân An Hội	276	MN Tân An Hội 1	Áp Bàu Tre 2, Xóm Chùa, Áp Tây, Áp Hậu, Xóm Huế, Cây Sộp, xã T.A.Hội.	13	16	9					2	35	3	85	4	121	130	100
31			MN Tân An Hội 2	Áp Tam Tân, Mũi Lớn 1, Mũi Lớn 2, Bàu Tre 1, xã Tân An Hội.	12	16	12			1	25	3	75	3	90	5	155	155	100
32	An Phú	189	MN An Phú	Áp An Hòa, An Bình, Xóm Chùa, Xóm Thuộc, Phú Bình, Phú Trung, xã An Phú	12	20	12					3	75	3	90	6	189	189	100
2. Ngoài CL		596			118	166	92			11	228	23	447	27	669	31	596	934	
1	Tân Thông Hội	64	MN Thủy Tiên		6	12	6					1	25	2	60	3	64	90	
2		45	MN Thành Danh		6	12	6			1	20	1	25	2	60	2	45	60	
3		15	MN Ánh Ánh Dương		4	4	3					1	13	1	15	1	15	20	
4	Thị Trấn Cù Chi	45	MN ABC		5	10	5			1	25	1	25	1	30	2	45	60	
5		50	MN Hoa Lan		13	18	9			1	25	2	50	3	90	3	50	105	
6		35	MN Sơn Ca		8	8	4			1	25	1	25	1	30	1	35	35	

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2017)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Tổng số lớp tuyển sinh 2022-2023	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm nhà trẻ sinh năm 2020		Lớp Mầm sinh năm 2019		Lớp Chồi sinh năm 2018		Lớp Lá sinh năm 2017		Khả năng nhận số trẻ sinh năm 2017	Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
								Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ		
9	Tân Thành Tây	14	MN Thanh Phương		4	5	3				13	1	13	1	15	1	14	35	
10	Hòa Phú	52	MN Tuổi Ngọc		7	14	7			1	20	1	25	2	50	3	52	100	
11		10	MN Anh Dũng		4	8	4			1	20	1	25	1	30	1	10	35	
12	Phước Thành	35	MN Hoa Hồng		6	9	4			1	10	1	25	1	30	1	35	35	
13	Tân An Hội	51	MN Sư Đoàn 9		7	8	7			1	22	2	21	2	36	2	51	70	
14	Tân Thành Đông	40	MN Bé Thông Minh		6	9	6			1	18	2	22	1	18	2	40	40	
15		15	MN Ánh Dương Samho		4	4	4			1	10	1	13	1	15	1	15	30	
16	Tân Phú Trung	30	MN Hoàng Anh		11	10	4					1	25	1	30	2	30	38	
17		10	MN Trái Tim Thơ		12	15	10					3	50	4	80	3	10	76	
18		35	MN Anh Đào		9	8	4			1	20	1	25	1	30	1	35	35	
19	Trung Lập Thượng	50	MN Tường Vy		6	12	6					2	40	2	50	2	50	70	
3. Nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thực					214	296	198			16	317	93	1549	89	1796				
1	Xã Tân Phú Trung		MG Phú Đông		2	4	2					1	25	1	30				
2			MG Văn Lang		2	3	2					1	13	1	17				
3			MG Thanh Bình		2	2	2					1	13	1	15				
4			MG Búp Măng		2	4	2					1	25	1	30				
5			MG Trúc Phương		2	2	2					1	13	1	15				
6			MG Như Ý		2	4	2					1	20	1	20				
7			MG Hoa Mặt Trời		2	2	2					1	13	1	15				
8			MG Hoa Thiên Lý		3	3	3					1	13	2	30				
9			MG Ngọc Mì		3	6	3					2	20	1	15				

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh năm 2017)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Tổng số lớp tuyển sinh 2022-2023	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm nhà trẻ sinh năm 2020		Lớp Mầm sinh năm 2019		Lớp Chồi sinh năm 2018		Lớp Lá sinh năm 2017		Khả năng nhận số trẻ sinh năm 2017	Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
								Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ		
10			NT Yến Nhi		2	2	1			1	25								
11			MG Tuổi Thần Tiên		4	4	3					1	15	2	30				
12			MG Mai Vàng		2	2	2					1	13	1	15				
13			MG Cát Tường		2	2	2					1	13	1	15				
14	xã Tân Thống Hội		NT Hải Âu		1	2	1			1	25								
15			MG Hoa Mai		3	2	2					1	13	1	15				
16			MG CVK		4	8	4					2	35	2	35				
17	xã Tân An Hội		MG Nụ Cười Hồng		2	2	2					1	13	1	15				
18			MG Cô Tiên Xanh		2	2	2					1	13	1	15				
19			MG Thiên Ân		2	4	2					1	25	1	35				
20			MG Quốc Dũng		2	3	2					1	13	1	25				
21			MG Quốc Dũng 2		2	4	2					1	25	1	25				
22			MG Hồng Nhung		2	3	2					1	13	1	25				
23			MG Hoa Trang		2	2	2					1	13	1	15				
24	xã Trung An		MG Ánh Khang		2	3	2					1	13	1	25				
25			MG Bé Ngoan		2	3	2					1	20	1	15				
26			MG Tân Quý		2	2	2					1	13	1	15				
27			MG Ban Mai Xanh		3	3	2					1	25	1	15				
28			MG Ngôi Sao Xinh		2	3	2					1	25	1	15				
29			MG An Nhiên		2	2	2					1	13	1	15				
30			MG Ánh Mai		2	3	2					1	13	1	25				
31			MG Hoa Mạ Non		2	3	2					1	13	1	22				
32	xã Hòa Phú		MG Bông Hoa Nhỏ			2	1					1	10		15				
33			MG Bé Xinh		2	3	2					1	13	1	25				
34			MG Hoa Mai Trắng		2	2	2					1	13	1	15				

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2017)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Tổng số lớp tuyển sinh 2022-2023	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm nhà trẻ sinh năm 2020		Lớp Mầm sinh năm 2019		Lớp Chồi sinh năm 2018		Lớp Lá sinh năm 2017		Khả năng nhận số trẻ sinh năm 2017	Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
								Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ		
35	xã Bình Mỹ		MG Ánh Dương		3	4	3					2	25	1	24				
36			MG Phát Triển		3	4	2					1	25	1	30				
37			MG Ánh Bình Minh		2	4	2					1	20	1	30				
38			MG Măng Non		3	5	3					2	28	1	28				
39			MG Hoa Hồng Nhung		3	4	2					1	23	1	23				
40			MG Thảo Ngọc		2	4	2					1	25	1	30				
41			MG Bò Cầu Trảng		1	2	1							1	25				
42			MG Quỳnh Anh		1	2	2					1	13	1	15				
43			MG Việt Anh		4	9	4					2	36	2	34				
44			MG Sóc Nâu		2	4	2					1	25	1	25				
45	xã Phú Hòa Đông		MG Năng Sài Gòn		2	3	2					1	13	1	30				
46			MG Búp Măng Non		4	3	2					1	13	1	30				
47			MG Sao Ban Mai		2	2	2					1	13	1	15				
48			MG Mặt Trời		4	4	4					3	36	1	12				
49			MG Thương Hiền		3	5	3					2	33	1	30				
50			MG Hoa Bạch Hợp		2	2	2					1	13	1	15				
51			MG Như Quỳnh		2	3	2					1	20	1	15				
52			MG Khả Hân		2	4	2					1	25	1	25				
53			MG Vân Anh		2	4	2					1	25	1	30				
54			MG Dầu Tây		2	4	2					1	25	1	30				
55	xã Tân Thạnh Đông		MG Vy Vy		2	3	2					1	13	1	27				
56			MG Ánh Sao		2	3	2					1	25	1	15				
57			MG Mặt Trời Hồng		2	3	2					1	13	1	30				
58			MG Vân Anh 2		2	4	2					1	25	1	30				
59			MG Mèo Ngaoan		2	2	2					1	13	1	15				

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2017)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Tổng số lớp tuyển sinh 2022-2023	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm nhà trẻ sinh năm 2020		Lớp Mầm sinh năm 2019		Lớp Chồi sinh năm 2018		Lớp Lá sinh năm 2017		Khả năng nhận trẻ sinh năm 2017	Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
								Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ		
60			MG Sắc Cầu Vồng		3	3	3					1	13	2	22				
61			MG Sao Mai Hồng		2	2	2					1	13	1	15				
62			MG Thông Minh		4	4	3					1	20	2	30				
63			NT Oanh Vàng		2	4	2			2	42								
64	xã Tân Thạnh Tây		MG Minh An		2	4	2					1	20	1	20				
65			MG Huệ Anh		3	2	2					1	13	1	15				
66			MG Hoàng Dung		2	2	2					1	13	1	15				
67			MG Trẻ Thơ		2	4	2					1	25	1	30				
68			MG Ánh Tuyết		4	8	4					2	35	2	35				
69			MG Bắc Hà		2	3	2					1	13	1	27				
70	Thị trấn Cù Chi		MN Hoàng Yến		2	2	2					1	13	1	15				
71			MG Năng Hồng		2	2	2					1	13	1	15				
72			NT Thanh Hằng		2	2	1			1	25								
73			NT Trâm Anh		2	2	1			1	25								
74			NT Bảo Thy		2	2	1			1	25								
75		:	MG Sen Việt		2	3	2					1	25	1	15				
76			MG Thanh Minh		2	2	2					1	13	1	15				
77			MG Hoa Tigon		3	4	3					2	32	1	15				
78	xã Phước Vĩnh An		MG Thiện Ân		2	2	2					1	13	1	15				
79			MG Tiến Đạt		3	4	3					2	25	1	20				
80			NT Thần Đồng Việt		2	2	2			2	25								
81			MG Hạnh Phúc		2	2	2					1	13	1	15				
82			NT Bé Thơ		2	2	2			2	25								
83			NT Tương Lai		2	2	2			2	25								

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2017)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Tổng số lớp tuyển sinh 2022-2023	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm nhà trẻ sinh năm 2020		Lớp Mầm sinh năm 2019		Lớp Chồi sinh năm 2018		Lớp Lá sinh năm 2017		Khá năng nhận số trẻ sinh năm 2017	Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
								Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ		
84	xã Phước Thạnh		MG Hoa Phượng		2	4	2					1	25	1					
85			MG Cồn Cưng		2	3	2					1	25	1					
86	xã Phạm Văn Cội		MG Thanh Lan		2	2	2					1	13	1					
87	xã Nhuận Đức		NT Đoremi		2	2	1			1	25								
88			MG Bảo Ngọc		2	4	2					1	25	1					
89			MG Con Ong Nhỏ		2	4	2					1	25	1					
90			MG Ong Vàng		2	3	2					1	13	1					
91	xã Trung Lập Hạ		MG Hoa Quỳnh Anh		2	2	2					1	13	1					
92			MG Gia Phúc		2	2	2					1	13	1					
93			MG Bé Ngôi Sao		3	5	2					1	30	1					
94	xã An Nhơn Tây		NT Đặng Khoa		2	2	1			1	25								
95	xã An Phú		NT Mặt Trời Nhỏ		3	2	1			1	25								

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN



**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHÌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHỤ LỤC 2: BẢNG SỐ LIỆU CHỈ TIÊU CỤ THỂ TỪNG XÃ, THỊ TRẤN, TRƯỜNG TIỂU HỌC

NĂM HỌC 2022 - 2023

(Kèm theo Quyết định số: **10526** /QĐ-UBND ngày **26** tháng **4** năm 2022 của UBND huyện Cù Chì)

TT	Trường tiểu học	Loại hình	Tên ấp, khu phố, xã, thị trấn	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận						Tỷ lệ huy động			
				Thường trú	Tạm trú	Cộng	TS Lớp	Số HS/ lớp	Số lớp				Tổng số HS	Trong đó số HS bán trú				
									Học 1 buổi	Học 2 buổi	Tăng cường ngoại ngữ	Đề án Tiếng Anh tích hợp				Số lớp Bán trú		
				4757	1397	6154	198	35		198	48	1	144	6154	5040	100%		
1	Tân Phú	Công lập	Tổng cộng:	26	3	29												
			Áp Cây Da (tổ 3 đến tổ 10), xã T.P.Trung	19	3	22												
			Áp Phú Lợi, xã Tân Phú Trung	24		24												
			Áp Giồng Sao, xã Tân Phú Trung	36	4	40												
			Áp Láng Cát, xã Tân Phú Trung	5	2	7												
			Áp Xóm Đồng (tổ 12, 13), xã T..P.Trung	Cộng:	110	12	122	5	35		2		2		122	70		100%
2	Tân Phú Trung	Công lập	Áp Cây Da (tổ 1, tổ 2), xã TPT	7	4	11												
			Áp Bến Dò 1, xã Tân Phú Trung	49	16	65												
			Áp Bến Dò 2, xã Tân Phú Trung	34	13	47												
			Áp Giữa (từ tổ 1 đến tổ 5A), xã TPT	10	6	16												
			Áp Xóm Đồng (tổ 14, tổ 15), xã TPT	4	2	6												
			Áp Đình (từ tổ 9 đến tổ 30), xã TPT	55	13	68												
			Tổ 4, 5, 6 ấp Bàu Sim, xã Tân T. Hội	11	4	15												
			Cộng:	170	58	228	9	35		2		5	228	175		100%		

[illegible]

TT	Trường tiểu học	Loại hình	Tên ấp, khu phố, xã, thị trấn	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận						Tỷ lệ huy động	
									Số lớp			Số học sinh				
Học 1 buổi	Học 2 buổi	Tăng cường ngoại ngữ	Đề án Tiếng Anh tích hợp	Số lớp Ban trú	Tổng số HS	Trong đó số HS ban trú										
			Tổng cộng:	4757	1397	6154	198	35		198	48	1	144	6154	5040	100%
7	Lê Thị Pha	Công lập	Áp Xóm Chùa, xã Tân An Hội	39	2	41										
			Áp Tây, xã Tân An Hội	22	3	25										
			Xóm Huế, xã Tân An Hội	30	3	33										
			Áp Hậu, xã Tân An Hội	16	2	18										
			Tổ 8 khu phố 5, Thị trấn Củ Chi	6		6										
			Cộng:	113	10	123	4	35		4				123		100%
8	Nguyễn Văn Lịch	Công lập	Áp Mũi Lớn 1, xã Tân An Hội	52	8	60										
			Áp Mũi Lớn 2, xã Tân An Hội	54	7	61										
			Áp Tam Tân, xã Tân An Hội	12	5	17										
			Cộng:	118	20	138	4	35		4				138	140	100%
9	Liên Minh Công Nông	Công lập	Áp Bàu Tre 1, xã Tân An Hội	52	4	56										
			Áp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội	34	7	41										
			Áp Cây Sộp, xã Tân An Hội	35	5	40										
			Áp Trung Việt, xã Phước Hiệp	5	2	7										
			Cộng:	126	18	144	4	35		4			4	144	140	100%
10	Thị Trấn Củ Chi	Công lập	Khu phố 1, TT Củ Chi (HK ở TTCC)	36		36										
			Khu phố 2 (HK ở Tổ 1, 2, 10, 11, TTCC)	24		24										
			Khu phố 7 (HK ở TTCC)	35		35										
			Khu phố 8 (HK ở TTCC)	30		30										
			Cộng:	125		125	6	35		6	5	1	6	125	210	100%
11	Thị Trấn Củ Chi 2	Công lập	Khu phố 2 (từ tổ 3 đến tổ 9), TTCC	32	28	60										
			Khu phố 5, Thị trấn Củ Chi	29	17	46										
			Học sinh tạm trú khu phố 1, 2, 8 (TTCC)		29	29										
			Cộng:	61	74	135	4	35		4	4		3	135	105	100%

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

TT	Trường tiểu học	Loại hình	Tên ấp, khu phố, xã, thị trấn	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận						Tỷ lệ huy động					
									Số lớp			Số học sinh								
				Thường trú	Tạm trú	Cộng	TS Lớp	Số HS/ lớp	Học 1 buổi	Học 2 buổi	Tăng cường ngoại ngữ	Đề án Tiếng Anh tích hợp	Số lớp Bán trú	Tổng số HS		Trong đó số HS bán trú				
				Tổng cộng:			4757	1397	6154	198	35		198	48	1	144	6154	5040	100%	
30	Phú Hòa Đông	Công lập	Áp Phú Thuận, xã Phú Hòa Đông	40	1	41														
			Áp Phú Trung, xã Phú Hòa Đông	14	1	15														
			Áp Phú Lợi, xã Phú Hòa Đông	35	3	38														
			Áp Chợ, xã Phú Hòa Đông	14	5	19														
			Áp Phú An, xã Phú Hòa Đông	26	5	31														
			Áp Phú Bình, xã Phú Hòa Đông	26	2	28														
			Áp Bến Cỏ, xã Phú Hòa Đông	25	5	30														
			Áp Phú Mỹ (tổ 18, 20), xã Phú Hòa Đông	1	1	2														
			Áp Phú Hòa (tổ 26, 27, 28c), xã PHĐ	6	1	7														
			Tổ 7, 8 ấp Bồn Phú, xã Trung An	1		1														
				Cộng:			188	24	212	6	35		6			6	212	210	100%	
31	Phú Hòa Đông 2	Công lập	Áp Phú Hiệp, xã Phú Hòa Đông	33	5	38														
			Áp Cây Trắc, xã Phú Hòa Đông	9		9														
			Áp Cây Trâm, xã Phú Hòa Đông	32	3	35														
			Áp Phú Mỹ (từ tổ 11 đến tổ 17; tổ 19; tổ 21), xã Phú Hòa Đông	16	2	18														
			Áp Phú Hòa (tổ 22 đến 25, tổ 28A, 28B), xã Phú Hòa Đông	12	3	15														
				Cộng:			102	13	115	4	35		4			4	115	140	100%	
32	Tân Thạnh Tây	Công lập	Áp 1, xã Tân Thạnh Tây	17	10	27														
			Áp 1A, xã Tân Thạnh Tây	14	11	25														
			Áp 2, xã Tân Thạnh Tây	19	1	20														
			Áp 2A, xã Tân Thạnh Tây	18	12	30														

[illegible]

[illegible]

TT	Trường tiểu học	Loại hình	Tên ấp, khu phố, xã, thị trấn	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận					Tỷ lệ huy động		
				Thường trú	Tạm trú	Cộng	TS Lớp	Số HS/ lớp	Học 1 buổi	Học 2 buổi	Số lớp				Số học sinh	
											Tăng cường ngoài giờ	Đề án Tiếng Anh tích hợp	Số lớp Bán trú		Tổng số HS	Trong đó số HS bán trú
			Tổng cộng:	4757	1397	6154	198	35		198	48	1	144	6154	5040	100%
			Ấp 9A, xã Tân Thạnh Đông	11	3	14										
			Cộng:	188	40	228	6	35		6			2	228	70	100%
			Ấp 5 (tổ 1 đến 9; tổ 13 đến 18), xã TTTD	29	7	36										
			Ấp 6 (từ đường 123 đến đường 130), xã TTTD	29	7	36										
			Ấp 6A, xã Tân Thạnh Đông	21	5	26										
			Ấp 7 (tổ 6 đến tổ 14), xã Tân Thạnh Đông	33	8	41										
			Ấp 7A, xã Tân Thạnh Đông	11	3	14										
39	Tân Thạnh Đông 3	Công lập	Ấp 12 (tổ 1, tổ 11), xã T.T. Đông	18	4	22										
			Cộng:	141	34	175	5	35		5			5	175	175	100%
			Ấp 1A, xã Tân Thạnh Tây	22		22										
			Ấp Thanh An, xã Trung An	44	12	56										
			Ấp 6, xã TTTD	50	5	55										
			Ấp 12, xã TTTD	15	3	18										
			Cộng:	131	20	151	5	35		5			5	151	175	100%
40	TH-THCS Tân Trung	Công lập														

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

(Chữ ký)

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CÚ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 3a: BẢNG SỐ LIỆU CHỈ TIÊU CỤ THỂ LỚP 1 TĂNG CƯỜNG TIẾNG ANH TRƯỜNG TIỂU HỌC

NĂM HỌC 2022 - 2023

(Kèm theo Quyết định số: 10526/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của UBND huyện Củ Chi)

TT	Trường Tiểu học	Loại hình	Số lớp tăng cường	Số học sinh	Sĩ số lớp	Ghi chú (Ghi cụ thể ngoại ngữ tăng cường)
	Tổng cộng:		48	1680	35	
1	Tân Phú	Công lập	2	70	35	Tăng cường Tiếng Anh
2	Tân Phú Trung	Công lập	2	70	35	Tăng cường Tiếng Anh
3	Tân Thông	Công lập	6	210	35	Tăng cường Tiếng Anh
4	Thị trấn Củ Chi	Công lập	5	175	35	Tăng cường Tiếng Anh
5	Thị trấn Củ Chi 2	Công lập	4	140	35	Tăng cường Tiếng Anh
6	Phước Vĩnh An	Công lập	3	105	35	Tăng cường Tiếng Anh
7	Trần Văn Châm	Công lập	1	35	35	Tăng cường Tiếng Anh
8	Phước Hiệp	Công lập	6	210	35	Tăng cường Tiếng Anh
9	Trung Lập Hạ	Công lập	4	140	35	Tăng cường Tiếng Anh
10	Nhuận Đức	Công lập	3	105	35	Tăng cường Tiếng Anh
11	Phạm Văn Cội	Công lập	3	105	35	Tăng cường Tiếng Anh
12	An Nhơn Tây	Công lập	5	175	35	Tăng cường Tiếng Anh
13	An Phú 1	Công lập	4	140	35	Tăng cường Tiếng Anh

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 3b: BẢNG SỔ LIỆU CHỈ TIÊU CỤ THỂ LỚP 1 CHƯƠNG TRÌNH TÍCH HỢP: "DÂY VÀ HỌC
CÁC MÔN TOÁN, KHOA HỌC VÀ TIẾNG ANH TÍCH HỢP CHƯƠNG TRÌNH ANH VÀ VIỆT NAM"
TRƯỜNG TIỂU HỌC, NĂM HỌC 2022 - 2023
(Kèm theo Quyết định số: 10526/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2022 của UBND huyện Cử Chi)

TT	Trường Tiểu học	Loại hình	Số lớp thực hiện chương trình	Số học sinh	Sĩ số lớp	Ghi chú
	Tổng cộng:		1	35	35	
1	Thị trấn Cử Chi	Công lập	1	35	1	

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN



[illegible]

[illegible]

21	TH - THCS Tân Trung	Trường TH Trung An (HK, tạm trú ở ấp Thanh An, xã Trung An)	8																
		Trường TH Tân Thành Đông 3 (HK ở Ấp 6, 12 xã Tân Thành Đông)	47																
		Trường TH-THCS Tân Trung	203																
		CỘNG	258	5	45		5											258	
22	Trung An	Phú, An Hòa, Hội Thành xã Trung An và tạm trú	221																
		CỘNG	221	5	45		5											221	
23	Hòa Phú	Trường TH Hòa Phú	235																
		CỘNG	235	6	45		6											235	
		Trường TH Bình Mỹ	120																
		Trường TH Bình Mỹ 2	265																
24	Bình Hòa	CỘNG	385	9	45		9											385	

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN



ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 5a: BẢNG SỐ LIỆU CHỈ TIÊU CỤ THỂ LỚP 6 TĂNG CƯỜNG TIẾNG ANH

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ, NĂM HỌC 2022 - 2023

(Kèm theo Quyết định số: 10526/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của UBND huyện Củ Chi)

STT	TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ	LOẠI HÌNH	SỐ LỚP TĂNG CƯỜNG	SỐ HỌC SINH	SĨ SỐ LỚP	GHI CHÚ
	TỔNG SỐ		14	630	45	
1	Tân Phú Trung	Công lập	4	180	45	Tăng cường tiếng Anh
2	Tân Thông Hội	Công lập	4	180	45	Tăng cường tiếng Anh
3	Thị Trấn 2	Công lập	4	180	45	Tăng cường tiếng Anh
4	An Nhơn Tây	Công lập	1	45	45	Tăng cường tiếng Anh
5	Tân Thạnh Tây	Công lập	1	45	45	Tăng cường tiếng Anh

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC 5c: BẢNG SƠ LIỆU CHỈ TIÊU CỤ THỂ LỚP 6 THEO ĐỀ ÁN CHƯƠNG TRÌNH TÍCH HỢP:
“DẠY VÀ HỌC CÁC MÔN TOÁN, KHOA HỌC VÀ TIẾNG ANH TÍCH HỢP
CHƯƠNG TRÌNH ANH VÀ VIỆT NAM”**

NĂM HỌC 2022 - 2023

*(Kèm theo Quyết định số **10526** /QĐ-UBND ngày **26** tháng **4** năm 2022 của UBND huyện Củ Chi)*

STT	Trường trung học cơ sở	Loại hình	Số lớp thực hiện chương trình	Số học sinh	Sĩ số lớp	Ghi chú
	Tổng cộng:					
1	Thị trấn 2	Công lập	1	35	35	

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 6: BẢNG SƠ LIỆU CHỈ TIÊU CÁC TRƯỜNG TRUNG CẤP,
TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỆ NGHIỆP - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

NĂM HỌC 2022 - 2023

(Kèm theo Quyết định số: 10526/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của UBND huyện Củ Chi)

Trường	Số lượng học sinh huy động	Ghi chú
Tổng số:	1630	
Trung cấp nghề Củ Chi	750	
TCCN Bách khoa Sài Gòn	120	
TCCN Tây Sài Gòn	60	
Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	700	

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN